HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2025/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 129/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Ninh Bình.

b) Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù và định mức cấp phát trang thiết bị tập luyện, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và QL XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao là công dân Việt Nam được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu cho đội tuyển thể thao của tỉnh Ninh Bình.

2. Người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Ninh Bình.

3. Cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ban huấn luyện đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh bao gồm: Huấn luyện viên trưởng, Huấn luyện viên phó, Trợ lý huấn luyện viên, Cố vấn kỹ thuật.

2. Vận động viên đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh bao gồm:

a) Vận động viên bậc 1: Là thành viên đội tuyển quốc gia và thường xuyên được tham gia thi đấu tại giải Bóng chuyền vô địch quốc gia.

b) Vận động viên bậc 2: Là vận động viên thường xuyên được tham gia thi đấu tại giải Bóng chuyền Vô địch quốc gia.

c) Vận động viên bậc 3: Là vận động viên chỉ được tham gia thi đấu một số trận tại giải Bóng chuyền Vô địch quốc gia.

d) Vận động viên bậc 4: Là vận động viên có tên trong đội hình tham gia thi đấu tại giải Bóng chuyền Vô địch quốc gia nhưng chưa được tham gia thi đấu.

đ) Vận động viên bậc 5: Là vận động viên dự bị đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh của tỉnh Ninh Bình.

e) Đội trưởng: Là vận động viên do Ban huấn luyện bầu.

3. Vận động viên đội tuyển 1: Là các vận động viên đoạt huy chương tại các giải thi đấu quốc tế, vô địch Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới, huy chương giải vô địch trẻ Châu Á, đoạt huy chương vàng tại giải vô địch quốc gia, đoạt huy chương bạc tại giải vô địch quốc gia (đối với môn bóng đá).

4. Vận động viên đội tuyển 2: Là các vận động viên đoạt huy chương bạc, huy chương đồng tại giải vô địch quốc gia, huy chương tại giải vô địch trẻ Đông Nam Á và những vận động viên đạt đẳng cấp kiện tướng. Riêng đối với vận động viên Quần vợt, Cầu lông, Bóng bàn là những vận động viên đạt đẳng cấp từ cấp 1 trở lên; vận động viên Bóng đá nam là những vận động viên từ 15 tuổi trở lên; vận động viên bóng đá nữ là những vận động viên đạt từ hạng tư tại giải vô địch quốc gia hoặc cúp quốc gia hoặc từ huy chương bạc U19 quốc gia.

5. Vận động viên đội tuyển trẻ: Là các vận động viên có năng khiếu thể thao đạt được một trong các tiêu chí sau: được đào tạo tập trung từ 24 tháng trở lên hoặc đoạt huy chương tại các giải trẻ, giải lứa tuổi; được tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với vận động viên Bóng đá nam là những vận động viên từ 11 tuổi đến dưới 15 tuổi. Bóng đá nữ là những vận động viên từ 11 tuổi trở lên.

6. Vận động viên đội tuyển năng khiếu: Là các vận động viên có năng khiếu thể thao được đào tạo tập trung đến dưới 24 tháng.

7. Vận động viên đội tạm tuyển: Là các vận động viên có năng khiếu thể thao được đào tạo tập trung đến dưới 12 tháng để làm nguồn tuyển chọn vận động viên năng khiếu.

8. Vận động viên đội năng khiếu nghiệp dư: Là các vận động viên tuổi thiếu niên, nhi đồng có năng khiếu thể thao được tập luyện không tập trung 03 buổi/tuần tại các lớp nghiệp dư để phát triển năng khiếu thể thao làm nguồn tuyển chọn vận động viên.

9. Chế độ dinh dưỡng: Là mức ăn hằng ngày được tính bằng tiền cho huấn luyện viên và vận động viên thể thao.

10. Chế độ dinh dưỡng đặc thù: Là chế độ dinh dưỡng cần thiết cho hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao của huấn luyện viên và vận động viên thể thao thành tích cao, gồm: Mức ăn hằng ngày được tính bằng tiền và thực phẩm chức năng.

11. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao là các huấn luyện viên, vận động viên đội Bóng chuyền hạng mạnh, đội tuyển 1, đội tuyển 2 và đội tuyển trẻ của tỉnh Ninh Bình.

12. Đoàn thể thao: Là các thành viên có tên trong quyết định thành lập đoàn của cơ quan chủ quản để tham gia tập huấn và thi đấu giải theo quy định điều lệ giải.

13. Người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao: Là những viên chức, người lao động được cơ quan, đơn vị sử dụng lao động phân công thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo vận động viên của tỉnh Ninh Bình.

14. Thời gian tập huấn trong Quy định này bao gồm thời gian tập luyện thường xuyên và thời gian tập huấn trước khi thi đấu.

Chương II

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO VÀ NGƯỜI PHỤC VỤ HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO

Điều 4. Chính sách về chế độ dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Ninh Bình

1. Chính sách về chế độ dinh dưỡng

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu, đội tạm tuyển được hưởng chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập luyện: 165.000 đồng/người/ngày.

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu, đội tạm tuyển và đội năng khiếu nghiệp dư trong thời gian tập trung thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng như huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ: 240.000 đồng/người/ngày.

2. Chính sách về chế độ thực phẩm chức năng

Vận động viên thể thao thành tích cao ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 86/2020/TT-BTC) còn được hưởng chế độ thực phẩm chức năng theo tính chất đặc thù của từng môn thi đấu theo kế hoạch thi đấu các giải do Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định. Cụ thể:

a) Các vận động viên thuộc tuyến đội tuyển 1, đội tuyển 2 khi tham gia thi đấu giải vô địch quốc gia được hưởng chế độ thực phẩm chức năng với mức tiền tối đa là 3.000.000 đồng/người/năm.

b) Các vận động viên thuộc tuyến đội tuyển 1, đội tuyển 2 khi tham gia thi đấu các giải thể thao trong khuôn khổ Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc được

hưởng chế độ thực phẩm chức năng với mức tiền tối đa là 5.000.000 đồng/người/tháng, thời gian được hưởng tối đa là 03 tháng/người/năm.

3. Chính sách về chế độ bồi dưỡng

a) Huấn luyện viên lớp năng khiếu nghiệp dư được hưởng chế độ bồi dưỡng 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Vận động viên năng khiếu nghiệp dư được hưởng chế độ bồi dưỡng 900.000 đồng/người/tháng.

4. Chính sách hỗ trợ:

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu ngoài được hưởng chế độ tiền lương; tiền hỗ trợ tập huấn thi đấu theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH) còn được hỗ trợ như sau:

a) Huấn luyện viên thể thao

Huấn luyện viên đội tuyển 1: Mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/người/tháng.

Huấn luyện viên đội tuyển 2: Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Vận động viên thể thao

- Vận động viên đội tuyển 1:

Vận động viên đoạt huy chương vàng tại giải vô địch quốc gia, huy chương vàng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc hoặc huy chương bạc, huy chương đồng tại giải vô địch Đông Nam Á (hoặc tại Seagames): Mức hỗ trợ 5.500.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên đoạt huy chương vàng tại giải vô địch Đông Nam Á hoặc tại Seagames, huy chương bạc, huy chương đồng tại giải vô địch Châu Á hoặc tại Asiads: Mức hỗ trợ 13.500.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên đoạt huy chương vàng tại giải vô địch Châu Á hoặc tại Asiads hoặc huy chương bạc, huy chương đồng tại giải vô địch Thế giới hoặc tại Olympic: Mức hỗ trợ 18.500.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên đoạt huy chương vàng tại giải vô địch Thế giới hoặc tại Olympic: Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/người/tháng.

- Vận động viên đội tuyển 2: Mức hỗ trợ 3.500.000 đồng/người/tháng.

- Vận động viên đội tuyển trẻ: Mức hỗ trợ 850.000 đồng/người/tháng.

- Vận động viên đội tuyển năng khiếu: Mức hỗ trợ 650.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian tối đa vận động viên được hưởng tiền hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Quy định này là kể từ ngày vận động viên đạt tiêu chuẩn hoặc đoạt huy chương đến kỳ tiếp theo của giải vô địch (giải vô địch quốc gia, giải vô địch Đông Nam Á, giải vô địch Châu Á, giải vô địch Thế giới,...) hoặc kỳ tiếp theo của Đại hội (Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, Seagames, Asiads, Olympic,...) trong điều kiện vận động viên duy trì tập luyện và tham gia thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia.

Điều 5. Chế độ bồi dưỡng đối với người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao

Viên chức, người lao động được phân công thực hiện các nhiệm vụ phục vụ huấn luyện viên, vận động viên tuyến tỉnh được hưởng chế độ bồi dưỡng 75.000 đồng/người/ngày làm việc thực tế. Trường hợp số ngày làm việc thực tế vượt quá 26 ngày/tháng, các đối tượng trên được hưởng tiền bồi dưỡng bằng 200% mức tiền bồi dưỡng tại quy định này nhân với số ngày vượt quá 26 ngày.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ tập huấn, thi đấu và một số chính sách khác của tỉnh Ninh Bình đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh

1. Chính sách hỗ trợ

Ngoài được hưởng mức tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn và thi đấu quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH, các thành viên của Ban huấn luyện và vận động viên đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh còn được hưởng chính sách hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Ban huấn luyện đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh của tỉnh Ninh Bình:

Huấn luyện viên trưởng mức hỗ trợ là 60.600.000 đồng/người/tháng.

Huấn luyện viên phó mức hỗ trợ là 13.600.000 đồng/người/tháng.

Trợ lý huấn luyện viên mức hỗ trợ là 7.100.000 đồng/người/tháng.

Cố vấn kỹ thuật mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với vận động viên đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh của tỉnh Ninh Bình:

Vận động viên bậc 1: Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên bậc 2: Mức hỗ trợ 14.000.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên bậc 3: Mức hỗ trợ 5.500.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên bậc 4: Mức hỗ trợ 3.500.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên bậc 5: Mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng.

Vận động viên được giao nhiệm vụ là Đội trưởng ngoài mức hỗ trợ như vận động viên còn được hỗ trợ thêm 5.600.000 đồng/người/tháng.

2. Chính sách hỗ trợ khác đối với vận động viên Bóng chuyền:

a) Vận động viên là công dân Việt Nam thuộc đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh của tỉnh Ninh Bình được hỗ trợ một lần số kinh phí bằng 20 (hai mươi) lần thu nhập một tháng hiện hưởng tại thời điểm vận động viên đạt tiêu chuẩn (bao gồm tiền lương, tiền hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH và khoản 1 Điều 6 của Quy định này) để ổn định cuộc sống lâu dài nếu đảm bảo một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

Được triệu tập đi tập huấn cho đội tuyển Bóng chuyền quốc gia.

Được công nhận là vận động viên kiện tướng từ 06 (sáu) năm (cộng dồn) trở lên.

Vận động viên chuyển nhượng từ đơn vị khác hoặc vận động viên tự do ký hợp đồng về tập luyện và thi đấu cho đội tuyển Bóng chuyền hạng mạnh của tỉnh Ninh Bình.

b) Kinh phí hỗ trợ chuyển nhượng đối với vận động viên Bóng chuyền theo quy chế chuyển nhượng của Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam.

Điều 7. Một số quy định khác về thời gian hưởng tiền ăn, chế độ dinh dưỡng và tiền hỗ trợ của huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Ninh Bình

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn nhưng không tham gia tập luyện được do bị ốm đau, chấn thương hoặc thời gian tập trung tập luyện trùng vào các ngày lễ, ngày tết, thứ Bảy, Chủ nhật thì được giữ nguyên chế độ tiền ăn theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC và Điều 4 Quy định này.

2. Tùy thuộc tính chất của từng giải thi đấu: Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng chế độ tiền ăn tập trung thi đấu trước ngày thi đấu chính thức theo thời gian quy định của Điều lệ thi đấu, cụ thể do Sở Văn hóa và Thể thao quyết định.

3. Thời gian áp dụng chế độ dinh dưỡng đối với các thành viên khác của đoàn thể thao theo quyết định thành lập đoàn và được hưởng chế độ như huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC và Điều 4 Quy định này.

4. Trường hợp Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đồng thời được hưởng nhiều mức hỗ trợ tại Quy định này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

5. Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao trong thời gian được triệu tập vào đội tuyển và đội tuyển trẻ quốc gia được hưởng nguyên tiền hỗ trợ của tỉnh Ninh Bình.

Điều 8. Chế độ tiền ngủ, tiền tàu xe

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao (không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) khi được cử đi công tác, tập huấn và thi đấu được hưởng chế độ tiền ngủ và tiền tàu xe theo quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ các vận động viên khi không tiếp tục làm vận động viên thể thao

Vận động viên thuộc các môn thể thao của tỉnh Ninh Bình đoạt huy chương tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc hoặc giải quốc tế không còn khả năng thi đấu mà thôi làm vận động viên thể thao, nếu tham gia các lớp đào tạo thì ngoài chính sách ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm theo quy định hiện hành của Nhà nước, còn được hỗ trợ kinh phí bằng 100% học phí của một khóa đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo với mức tối đa bằng với học phí của một khóa học đại học tại Trường Đại học Thể dục thể thao.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ các vận động viên vừa tham gia tập luyện thi đấu, vừa tham gia học chuyên nghiệp

Vận động viên thuộc các môn thể thao của tỉnh Ninh Bình đoạt huy chương tại giải Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc và giải quốc tế vừa tham gia tập luyện thi đấu vừa tham gia học tập chuyên nghiệp khi có quyết định của đơn vị sử dụng cử đi học, ngoài các chế độ chính sách tại Quy định này còn được hỗ trợ tiền học phí, tiền học bù theo quy định của cơ sở đào tạo khi vận động viên tham gia tập luyện, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tại Quy định này do Ngân sách tỉnh đảm bảo và được cân đối trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh Ninh Bình.

2. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì bảo đảm chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao; người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc bị thay thế thì áp dụng theo các văn bản pháp luật mới.

2. Trong quá trình triển khai tổ chức, thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc Quy định không còn phù hợp, đề nghị các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.